

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHẠM THỊ MỸ NƯƠNG

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. VÕ XUÂN TIẾN**

Phản biện 1 : **PGS.TS. BÙI QUANG BÌNH**

Phản biện 2 : **TS. ĐOÀN HỒNG LÊ**

Luận văn được bảo vệ tại hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 18 tháng 12 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Để phát triển nền kinh tế cần nhiều nguồn lực, nhiều thành phần và nhiều bộ phận. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, chủ trương của Đảng và Nhà nước là khai thác mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Một trong những nguồn lực quan trọng để thúc đẩy sự phát triển đó là KTTN.

Trong những năm qua, KTTN trên địa bàn thành phố Tam Kỳ đang phát triển mạnh, đóng góp ngày càng lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đang ngày càng khẳng định vai trò động lực của mình. Tuy nhiên, sự phát triển của nó vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh, khả năng cạnh tranh, hội nhập còn yếu kém và còn những khiếm khuyết không nhỏ.

Nhìn nhận sự quan trọng của KTTN trong sự phát triển kinh tế nói chung, trong phạm vi của địa phương, tôi chọn đề tài “Phát triển Kinh tế tư nhân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hoá các vấn đề lý luận liên quan đến KTTN.
- Phân tích thực trạng phát triển KTTN thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
- Đề xuất giải pháp để phát triển KTTN thành phố Tam Kỳ trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: là các vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến việc phát triển kinh tế tư nhân tại thành phố Tam Kỳ.
- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về mặt nội dung: đề tài chỉ tập trung nghiên cứu một số nội dung phát triển KTTN thành phố Tam Kỳ thông qua các loại hình doanh nghiệp của tư nhân, như: doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần.

+ Về không gian: đề tài nghiên cứu tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

+ Về thời gian: các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong 05 năm tới.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp thống kê
- Phương pháp phân tích, so sánh
- Phương pháp phân tích thực chứng, phương pháp phân tích chuẩn tắc...

5. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo, đề tài được chia làm 03 chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận về phát triển KTTN.

Chương 2. Thực trạng phát triển KTTN trên địa bàn thành phố Tam Kỳ.

Chương 3. Giải pháp để phát triển KTTN thành phố Tam Kỳ thời gian tới.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.1. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.1.1. Khái niệm về KTTN và phát triển KTTN

- KTTN là khu vực mà ở đó các hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và lao động.

- Phát triển KTTN là một quá trình lớn lên, tăng tiến mọi mặt của các yếu tố, các bộ phận, các cơ sở, đặc biệt là các khu vực trong khu vực KTTN. Sự tăng trưởng của khu vực KTTN đồng thời có sự biến đổi sâu sắc về mặt cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội theo chiều hướng tiến bộ.

1.1.2. Các hình thức tổ chức của KTTN

Giới hạn vấn đề nghiên cứu, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu một số nội dung cơ bản của phát triển KTTN tại thành phố Tam Kỳ thông qua các loại hình doanh nghiệp của nó gồm: DNTN, công ty TNHH và công ty CP.

1.1.3. Đặc điểm của KTTN

1.1.4. Vai trò của KTTN

- Có vai trò quan trọng trong quá trình tích lũy vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế.

- Tạo nhiều việc làm mới, giảm bớt áp lực về thất nghiệp, đồng thời góp phần đào tạo nguồn nhân lực.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Làm tăng hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

- Góp phần tăng cường kinh tế đối ngoại.

- Tạo ra nhiều sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách nhà nước.

1.1.5. Lợi thế của KTTN

1.1.6. Hạn chế của KTTN

1.2. NỘI DUNG CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.2.1. Gia tăng số lượng các doanh nghiệp

Phát triển KTTN là phải có sự tăng trưởng nghĩa là sự gia tăng về số lượng doanh nghiệp trong khu vực KTTN cũng như tốc độ tăng của các doanh nghiệp năm sau nhiều hơn năm trước.

Tiêu chí phản ánh sự phát triển số lượng kinh tế tư nhân:

- Sự gia tăng về số lượng các doanh nghiệp;
- Tốc độ tăng số lượng các doanh nghiệp

1.2.2. Mở rộng quy mô các nguồn lực

Mở rộng quy mô các yếu tố nguồn lực của doanh nghiệp có thể hiểu là làm cho các yếu tố về đất đai, lao động, nguồn vốn, hệ thống cơ sở vật chất của doanh nghiệp ngày càng tăng lên. Đất đai, lao động, nguồn vốn là những yếu tố đầu vào cơ bản đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp tư nhân. Đánh giá quy mô các yếu tố nguồn lực của doanh nghiệp qua các chỉ tiêu:

- Vốn;
- Lao động;
- Mặt bằng sản xuất kinh doanh;
- Công nghệ, máy móc thiết bị.

Để tăng cường các nguồn lực trong từng doanh nghiệp của KTTN cần phải: tăng cường nguồn lực về vốn, mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh, nâng cao công nghệ máy móc thiết bị và nâng cao trình độ người lao động cũng như khả năng quản lý của chủ doanh nghiệp.

1.2.3. Phát triển hình thức tổ chức sản xuất

Sự phát triển của các hình thức tổ chức sản xuất thể hiện sự phát triển của KTTN.

Sự phát triển của các hình thức tổ chức sản xuất phụ thuộc vào xu hướng phát triển của kinh tế xã hội. Một doanh nghiệp khi mới thành lập cần nghiên cứu và lựa chọn hình thức tổ chức sản xuất phù hợp nhất với điều kiện hiện có của doanh nghiệp và phù hợp với xu hướng phát triển.

1.2.4. Phát triển các hình thức liên kết sản xuất

Phát triển KTTN cũng chính là mở rộng mối quan hệ giữa các doanh nghiệp của khu vực KTTN, sự hợp tác giữa các doanh nghiệp với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế khác nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Có hai hình thức liên kết:

- Liên kết để tạo ra các yếu tố đầu vào, bao gồm: nguồn vốn, tạo và sử dụng nguyên liệu, tạo phụ tùng, thiết bị, máy móc, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ lao động.

- Liên kết ở khâu sản xuất, gồm có: liên kết ngang là liên kết giữa các doanh nghiệp cùng sản xuất mặt hàng, nhóm sản phẩm tương tự; liên kết dọc là liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất bán thành phẩm cung cấp cho nhau để tiếp tục chế biến ra sản phẩm cuối cùng; liên kết hỗn hợp là kết hợp giữa liên kết ngang và liên kết dọc giữa các doanh nghiệp khai thác, chế biến tiêu thụ; liên kết để thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ.

1.2.5. Mở rộng thị trường

Mở rộng thị trường: là làm cho các yếu tố thị trường, thị phần, khách hàng của nó ngày càng tăng trưởng và phát triển.

- Phát triển thị trường là từng doanh nghiệp phải tăng khả năng sản xuất hàng hóa, dịch vụ, khả năng cung cấp sản phẩm cho thị trường, cho xã hội; là sự hiểu biết vững chắc, rõ ràng về các loại thị trường trong và ngoài nước, về cơ hội và thách thức tự hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

- Thị phần doanh nghiệp bao gồm: Doanh nghiệp nào thỏa mãn được nhu cầu của khách hàng sẽ chiếm được thị phần lớn và đưa doanh nghiệp phát triển.

- Tăng số lượng khách hàng: khách hàng là những người tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp. Khách hàng là một trong những yếu tố quan trọng mang tính quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp.

1.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất

Kết quả sản xuất của một doanh nghiệp nói riêng và của các doanh nghiệp kinh tế tư nhân nói chung được biểu hiện ở tiêu chí sau:

- Giá trị sản lượng của doanh nghiệp;
- Doanh thu thuần;
- Nộp Ngân sách Nhà nước;
- Thu nhập bình quân của người lao động;
- Lợi nhuận của doanh nghiệp.

1.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.3.1. Nhân tố về thị trường và đối thủ cạnh tranh

- Về thị trường: Một trong những nhân tố quyết định việc các doanh nghiệp tư nhân có đầu tư vào một thị trường, một lĩnh vực nào đó hay không là khả năng tham gia thị trường, nhất là trong điều kiện đầy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

- **Đối thủ cạnh tranh:** Trong hoạt động sản xuất kinh doanh mỗi doanh nghiệp của các thành phần kinh tế phải tìm cách phát huy thế mạnh của mình, tìm hiểu kỹ các đối thủ cạnh tranh để đưa ra chính sách sản xuất kinh doanh phù hợp.

1.3.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng và kỹ thuật

Cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải thuận lợi tạo điều kiện để kinh tế nói chung và KTTN nói riêng phát triển.

1.3.3. Nhân tố về thông tin:

Nếu doanh nghiệp cập nhật đầy đủ và sử dụng tốt thông tin thì sẽ giảm chi phí cho sản xuất; giảm thấp chi phí bán hàng và chi phí tiếp thị.

1.3.4. Các chính sách liên quan đến KTTN

Chính sách kinh tế liên quan đến KTTN bao gồm: chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách điều tiết hoạt động kinh tế, chính sách kinh tế đối ngoại, chính sách và chiến lược phát triển kinh tế.

1.3.5. Hệ thống dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh gồm các dịch vụ hành chính công và các dịch vụ phát triển kinh doanh.

1.3.6. Nhóm các nhân tố xã hội và điều kiện tự nhiên

- Nhóm các nhân tố xã hội: Dân số càng đông là thị trường tiêu thụ rộng lớn, lao động càng nhiều, trình độ lao động càng cao càng đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của nhà đầu tư.

- Những thuận lợi về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên: Việc vận dụng tốt vị trí, điều kiện tự nhiên sẽ giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào, đầu ra, chi phí sản xuất kinh doanh,... nâng cao năng lực cạnh tranh.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TAM KỲ TRONG THỜI GIAN QUA

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

- Vị trí địa lý: Thành phố Tam Kỳ là thành phố tỉnh lỵ, trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh Quảng Nam, có vị trí nằm trên đường Quốc lộ 1A, cách thành phố Đà Nẵng 70 km về phía Nam, cách Khu kinh tế mở Chu Lai 25 km về phía Bắc. Với vị trí như vậy, thành phố Tam Kỳ là tiềm năng để khai thác phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

- Điều kiện tự nhiên: Với tổng diện tích tự nhiên là 9281.93 ha; 40% diện tích là dạng địa hình cồn cát và bãi cát ven biển, có hơn 8 km đường bờ biển, 2 con sông lớn và nhiều sông suối nhỏ. Đây là khả năng phát triển kinh tế thủy, hải sản và nuôi trồng thủy sản.

Ngoài ra còn có nguồn đất sét, cát, sỏi, sạn dồi dào để phát triển công nghiệp và vật liệu xây dựng.

2.1.2. Đặc điểm xã hội

Cuối năm 2010 dân số thành phố Tam Kỳ 108.272 người. Mật độ dân số trung bình là 1.161 người/km². Lực lượng lao động hiện có 70.681 người, chiếm 65.59% tổng dân số, trong đó lực lượng lao động nữ chiếm 51.22% tổng lao động toàn thành phố.

2.1.3. Đặc điểm kinh tế

Trong 5 năm qua, kinh tế thành phố tăng trưởng ổn định, liên tục và đạt cao hơn mức bình quân chung của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm (2006-2010) đạt 15,12%,

GDP bình quân đầu người đến năm 2010 đạt gần 1.320 USD. Cơ cấu các ngành trong GDP đến 2010: Thương mại-Dịch vụ: 58,35%, CN-TTCN: 37,89%, Nông lâm thủy sản: 3,76% (cơ cấu các ngành năm 2006 là: 54,75%; 36,098% và 9,16%). Tốc độ phát triển giá trị sản xuất ngành CN-TTCN bình quân 5 năm là 28,78 %/năm. Thương mại-dịch vụ là 25,06%/năm và ngành nông nghiệp dưới 1%/năm. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu hàng bình quân hàng năm gần 12%. Thu ngân sách tăng bình quân gần trên 15%/năm, năm 2010 tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 510 tỷ đồng .

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN CỦA THÀNH PHỐ TAM KỲ TRONG THỜI GIAN QUA

2.2.1. Sự phát triển số lượng các doanh nghiệp KTTN

- Sau khi Luật Doanh nghiệp ra đời và có hiệu lực, thủ tục đăng ký kinh doanh được đơn giản hóa, , số lượng doanh nghiệp trong khu vực KTTN mới thành lập trên địa bàn thành phố Tam Kỳ tăng lên rõ rệt. Cụ thể ở bảng số liệu sau:

Biểu 2.1 Tình hình phát triển doanh nghiệp trong khu vực KTTN (về số lượng)

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn toàn thành phố	125	262	350	498	633
Trong đó các doanh nghiệp thuộc KV KTTN	116	251	338	486	602
<i>- Tỷ trọng các doanh nghiệp thuộc KV KTTN so với tổng số (%)</i>	92,80	95,80	96,57	97,59	95,10

Tốc độ tăng hàng năm của các doanh nghiệp thuộc KV KTTN (%)		34,22	34,66	43,79	23,87
Tốc độ tăng bình quân cả giai đoạn (%)	26,34				

Nguồn số liệu: Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam

Số lượng doanh nghiệp mới đăng ký tăng nhanh, tốc độ tăng bình quân từ 2006 đến 2010 là 2,34%/năm, bình quân mỗi năm có trên 120 doanh nghiệp mới thành lập, tính đến cuối năm 2010, có 602 doanh nghiệp trong khu vực KTTN, tăng 5,12 lần so với năm 2006. Tốc độ tăng bình quân cho cả giai đoạn 2006-2010 là 26,34%.

2.2.2. Thực trạng các yếu tố nguồn lực của KTTN

- Quy mô vốn của doanh nghiệp KTTN: một trong những chỉ tiêu có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp là chỉ tiêu về quy mô vốn sản xuất kinh doanh.

Sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp khu vực KTTN trong thời gian qua đã kéo theo sự gia tăng nguồn vốn huy động để đưa vào kinh doanh.

Biểu 2.4 Vốn kinh doanh bình quân của các doanh nghiệp KTTN (ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
- DNTN	1,368	1,552	1,670	1,868	2,295
- Công ty TNHH	2,250	2,292	2,434	2,517	2,730
- Công ty CP	5,531	5,409	5,580	6,007	6,152
Tổng	2,437	2,623	2,621	2,590	3,242

Nguồn: Cục Thống kê Quảng Nam

Qua biểu 2.4 cho thấy mức vốn sản xuất kinh doanh bình quân năm của các loại hình doanh nghiệp KTTN có xu hướng tăng lên hằng năm, tuy nhiên vốn bình quân và mức tăng vốn bình quân của các doanh nghiệp còn khá nhỏ, bình quân chưa đến 2 tỷ đối với DNTN, chưa đến 3 tỷ đối với Công ty TNHH, chưa đến 6 tỷ đối với công ty CP.

- Quy mô lao động: Cùng với sự gia tăng về số lượng doanh nghiệp, lực lượng lao động tham gia vào đó cũng tăng lên mạnh mẽ.

Biểu 2.6 Lao động bình quân của các doanh nghiệp KTTN

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
- DNTN	13	12	13	13	11
- Công ty TNHH	24	23	18	19	15
- Công ty CP	36	28	25	20	27

Nguồn: Cục Thống kê Quảng Nam

Qua biểu 2.6 cho thấy quy mô lao động bình quân trong Công ty CP là cao nhất với trung bình 27 người một doanh nghiệp năm 2010, Công ty TNHH là 15 người và DNTN là 11 người. Tính chung lại thì quy mô lao động của các doanh nghiệp KTTN là 18 người. Nhìn chung, về mặt lao động trong các doanh nghiệp KTTN thành phố Tam Kỳ có quy mô nhỏ và lao động bình quân mỗi doanh nghiệp có xu hướng giảm dần qua các năm.

- Cơ sở vật chất

Nhìn tổng thể, các doanh nghiệp tư nhân hầu hết có quy mô nhỏ, thiếu vốn, thiếu mặt bằng sản xuất kinh doanh, cơ sở vật chất, kỹ thuật về khoa học - công nghệ còn nghèo nàn, lạc hậu, phổ biến sử dụng máy móc thiết bị cũ, thiếu những hiểu biết và thông tin về khoa học - công nghệ.

- Về mặt bằng sản xuất kinh doanh:

Trong những năm qua, thành phố luôn quan tâm đến việc phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ cho việc phát triển sản xuất như xây dựng và mở rộng các khu, cụm tiểu công nghiệp Trường Xuân, Thuận Yên. Tuy nhiên, nhu cầu ổn định và mở rộng diện tích mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân còn lớn, song chưa thật sự đáp ứng đầy đủ, thuận lợi và bình đẳng.

2.2.3. Sự phát triển của các hình thức tổ chức sản xuất - kinh doanh

Biểu 2.10 Tình hình phát triển KTTN (theo loại hình doanh nghiệp)

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng số doanh nghiệp	187	251	338	486	602
- DNTN	86	102	111	122	126
+ Tỷ trọng trong tổng số (%)	45,99	40,64	32,84	25,1	20,93
- Công ty TNHH	80	118	180	287	370
+ Tỷ trọng trong tổng số (%)	42,78	47,01	53,25	59,05	61,46
- Công ty CP	21	31	47	77	106
+ Tỷ trọng trong tổng số (%)	11,23	12,35	13,09	15,85	17,61
Tỷ lệ tăng hàng năm		34,22	34,66	43,79	23,87

Nguồn: Cục Thống kê Quảng Nam

Trong cơ cấu các loại hình doanh nghiệp, số lượng Công ty TNHH chiếm tỷ trọng lớn nhất 61,46% năm 2010, DNTN chiếm 20,93%, còn lại là công ty CP. Đồng thời cơ cấu này cũng đang biến

động theo chiều hướng: tỷ trọng DNTN đang giảm nhanh qua các năm, từ 45,99% năm 2006 xuống còn 20,93% vào năm 2010, tỷ trọng của công ty TNHH tăng nhanh qua các năm, từ 42,78% năm 2006 lên 61,46% năm 2010, tăng 290 doanh nghiệp; tỷ trọng công ty CP có chiều hướng giảm chậm qua các năm và tăng nhẹ vào cuối năm 2010. Tuy nhiên, nhìn chung thì tỷ lệ tăng hàng năm của KTTN có xu hướng tăng dần qua các năm.

- Theo ngành nghề sản xuất kinh doanh

Trong những năm qua, KTTN thành phố Tam Kỳ đã và đang phát triển đa dạng về ngành nghề sản xuất kinh doanh. Tỷ trọng doanh nghiệp trong khu vực KTTN theo ngành nghề trong những năm qua biến đổi không ổn định nhưng đã bắt đầu có sự chuyển dịch tích cực phù hợp hơn với chuyển dịch cơ cấu của thành phố theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ và giảm tỷ trọng các ngành thủy sản nông lâm.

2.2.4. Sự phát triển các mối liên kết kinh tế tại thành phố Tam Kỳ

Ở thành phố Tam Kỳ, nhìn chung chưa thiết lập được mối quan hệ giữa các doanh nghiệp, hợp tác với các thành phần kinh tế khác. Sự hợp tác giữa các doanh nghiệp với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác chưa chặt chẽ, dẫn đến sự hạn chế trong chất lượng, hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Đồng thời bản thân các doanh nghiệp cũng chưa có sự liên kết để nâng cao sức cạnh tranh. Điều này làm cho khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp vốn đã bị hạn chế lại càng bị suy yếu và dễ bị tổn thương, chèn ép trên thị trường.

2.2.5. Thực trạng về thị trường

- Về thị trường: Thị trường tiêu thụ giới hạn về địa bàn, quy mô và thiếu sự đa dạng hóa.

Do hầu hết các doanh nghiệp KTTN hoạt động trong các ngành dịch vụ và sản xuất tư liệu tiêu dùng với các sản phẩm có khả năng cạnh tranh thấp trên thị trường nước ngoài, nhất là tiếp cận các thị trường mới nên số lượng cơ sở KTTN tiếp cận được thị trường thế giới còn rất ít, chủ yếu việc tiêu thụ chỉ tập trung vào thị trường nội địa với dung lượng nhỏ hẹp.

Hiện nay việc mở rộng thị trường xuất khẩu của các doanh nghiệp khu vực KTTN đang gặp nhiều trở ngại không nhỏ.

Tính đến hiện nay, trên địa bàn thành phố Tam Kỳ chỉ có 9 doanh nghiệp KTTN tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, chiếm 1,5% trong tổng số doanh nghiệp KTTN.

Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp KTTN trên địa bàn thành phố Tam Kỳ có quy mô khá nhỏ, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm chưa tới 40 triệu USD; chủ yếu tập trung ở những ngành hàng công nghiệp nhẹ và thủ công; thị trường xuất khẩu ở nước ngoài không nhiều với quy mô nhỏ, tập trung ở một số thị trường tương đối khó tính như Trung Quốc, Mỹ, Đài Loan, Châu Âu.

- Về khách hàng: cùng với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các doanh nghiệp trong và ngoài nước trên thị trường là một trong những động lực thúc đẩy các đơn vị kinh doanh của KTTN không ngừng quan tâm đến việc gia tăng khối lượng khách hàng bằng việc mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh các kênh phân phối trên thị trường hiện có và thị trường mới.

2.2.6. Thực trạng kết quả sản xuất

Kết quả sản xuất kinh doanh được thể hiện qua giá trị sản lượng và doanh thu thuần.

Biểu 2.14 Giá trị sản xuất các ngành của các doanh nghiệp khu vực KTTN thành phố Tam Kỳ
Đơn vị tính: triệu đồng. (Tính theo giá hiện hành)

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng cộng	669,982	1,157,256	1,541,060	2,699,619	2,938,500
CN-XD	309,513	409,834	602,339	710,124	1,119,435
- Tỷ trọng so với tổng số (%)	46.20	35.41	39.09	26.30	38.10
NL-TS	2,400	3,000	7,017	14,276	13,660
- Tỷ trọng so với tổng số (%)	0.36	0.26	0.46	0.53	0.46
TM-DV	358,069	744,422	931,704	1,975,219	1,805,405
- Tỷ trọng so với tổng số (%)	53.44	64.33	60.46	73.17	61.44

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam

Trong những năm qua, giá trị sản xuất của các doanh nghiệp khu vực KTTN tăng đều và mạnh qua các năm. Chiếm tỷ trọng lớn nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực TM – DV, năm 2010 giá trị sản xuất 1.805,405 tỷ đồng, chiếm 61,44% so với tổng giá trị sản xuất các ngành, tăng hơn gấp 5 lần so với năm 2006. Tiếp đến là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, chiếm tỷ trọng 38,1%; ngành nông lâm - thủy sản cũng tăng nhanh qua các năm và chiếm tỷ trọng nhỏ 0,46% so với tổng số.

Doanh thu thuần doanh nghiệp KTTN tăng đều qua các năm. So với năm 2006, đến năm 2010 loại hình công ty TNHH tăng gần 4 lần, DNTN tăng gần 2 lần, công ty CP tăng hơn 7 lần.

Mức đóng góp của các doanh nghiệp KTTN vào ngân sách nhà nước cũng đáng kể, chiếm tỷ trọng trên 10% so với tổng thu ngân sách (thu nội địa) của toàn thành phố và có chiều hướng không ổn định. Trong đó, loại hình công ty TNHH có mức đóng góp cao nhất, chiếm tỷ lệ 63,57% năm 2010, tiếp đến là loại hình DNTN, chiếm tỷ lệ 20,35% và sau cùng là công ty CP 16,08%.

- Thu nhập bình quân của người lao động: làm việc trong các doanh nghiệp KTTN tăng đều qua các năm, trong đó DNTN có mức tăng cao nhất, năm 2010 tăng hơn 3 lần so với năm 2006; công ty TNHH tăng hơn 2 lần và công ty CP tăng 1,4 lần so với năm 2006.

2.3. NGUYÊN NHÂN LÀM CHẬM SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TAM KỲ

2.3.1. Nguyên nhân từ cơ chế chính sách

Môi trường pháp lý và quản lý Nhà nước đối với KTTN ngày càng có nhiều chuyển biến theo hướng tạo điều kiện tốt nhất đảm bảo khuyến khích KTTN phát triển nhanh và bền vững.

Về giải quyết thủ tục hành chính cho KVKTTN đã có nhiều tiến bộ, phần nào tạo niềm tin cho các doanh nghiệp. Mặc dù vậy vẫn còn nhiều vướng mắc như: kê khai vốn đăng ký, thời gian đăng ký kinh doanh.

Các cơ chế, chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân chưa đồng bộ, chưa nhất quán, gây những khó khăn, vướng mắc nhất định cho các doanh nghiệp tư nhân.

2.3.2. Nguyên nhân từ cơ sở sản xuất tư nhân

- Về tiếp cận vốn: Khu vực KTTN vẫn còn đang đối diện với nhiều khó khăn và thua kém rõ rệt so với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài về điều kiện đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh, về nguồn vốn và tín dụng, về năng lực và cơ hội tiếp thu khoa học - công nghệ, về thông tin và thị trường cũng như về áp lực tâm lý xã hội và thủ tục quản lý nhà nước.

- Sản phẩm kém chất lượng và chưa có thương hiệu, gian lận thương mại còn phổ biến. Những hành vi này đã làm giảm lòng tin của người tiêu dùng đối với khu vực kinh tế tư nhân.

- Sức cạnh tranh và tiếp cận thị trường thế giới còn hạn chế: Các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN trên địa bàn thành phố Tam Kỳ khó tiếp cận được với cả thị trường trong nước và quốc tế. Sức cạnh tranh của các doanh nghiệp vẫn còn ở mức độ rất thấp.

- Về trình độ quản lý

Cùng với sự phát triển nhanh chóng, khu vực KTTN đã và đang hình thành đội ngũ các doanh nhân hoạt động trên hầu hết các lĩnh vực, các ngành nghề. Tuy nhiên, năng lực quản lý, điều hành, tinh thần doanh nghiệp chưa cao, năng lực nghiên cứu thị trường và đăng ký quyền sở hữu chưa được chú trọng tại các doanh nghiệp trong khu vực KTTN.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở TAM KỲ THỜI GIAN TỚI

3.1. CĂN CỨ TIỀN ĐỀ ĐỂ XÂY DỰNG GIẢI PHÁP

3.1.1. Phương hướng phát triển của kinh tế tư nhân

3.3.1.1. Xu hướng phát triển của kinh tế tư nhân của nước ta

3.1.1.2. Phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Tam Kỳ

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Tam Kỳ lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2010-2015 đã đề ra phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế trong 5 năm tới: "...tập trung mọi nguồn lực tích cực đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng các ngành kinh tế chất lượng và bền vững gắn với nâng cao chất lượng lao động". Cùng với tình hình đăng ký kinh doanh và hoạt động của các doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp trong thời gian qua, và trên cơ sở xem xét đặc điểm tâm lý, trình độ tổ chức kinh doanh, xu hướng cải cách hành chính, đổi mới phương thức quản lý kinh tế của Nhà nước, cũng như tính đến các yêu cầu, cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, đến xu hướng phát triển doanh nghiệp trong nước và trên thế giới, có thể dự báo xu hướng phát triển của kinh tế tư nhân trong thời gian tới như sau:

- Các hoạt động sản xuất - kinh doanh dưới các loại hình doanh nghiệp ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng, cả về bề rộng lẫn bề sâu, sẽ gia tăng cả về quy mô lẫn hiệu quả.

- Lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng đa dạng trong mỗi doanh nghiệp, cũng như toàn bộ khu vực doanh nghiệp. Sẽ xuất hiện nhiều lĩnh vực ngành nghề kinh doanh mới.

- Tích tụ và tập trung vốn - hình thành các doanh nghiệp vừa và lớn, có sức cạnh tranh cao. Đây là một xu hướng quan trọng và tất yếu trong sự phát triển cạnh tranh của kinh tế tư nhân.

- Cùng với sự lớn mạnh và thành công của nhiều doanh nghiệp, khu vực kinh tế tư nhân sẽ ngày trở thành động lực chủ yếu đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của Thành phố.

3.1.2. Một số vấn đề có tính nguyên tắc khi đề xuất giải pháp

- Hạn chế tối đa tình trạng phân hóa giàu nghèo, ảnh hưởng đến công bằng xã hội.

- Không được phá hoại, tác động xấu đến môi trường tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội.

- Phải xuất phát từ thực tiễn thành phố Tam Kỳ, đồng thời phù hợp với chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng, pháp luật của Nhà Nước.

- Là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần của thành phố Tam Kỳ.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho KTTN đầu tư, kinh doanh.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và các hiệp hội doanh nghiệp đối với KTTN nói chung cũng như trong từng doanh nghiệp.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP

3.2.1. Phát triển số lượng các doanh nghiệp

3.2.1.1. Quy hoạch phát triển ngành kinh tế hợp lý

Quy hoạch phát triển kinh tế là rất cần thiết đảm bảo cho sự phát triển đúng định hướng, do đó mọi quy hoạch phát triển các ngành cần xác định rõ ngành mũi nhọn, sản phẩm chủ lực của tỉnh

nói chung và thành phố Tam Kỳ nói riêng để định hướng phát triển bằng những chính sách ưu đãi cụ thể khuyến khích và thu hút đầu tư.

Trong thời gian đến, cần tập trung duy trì, củng cố và phát triển những ngành công nghiệp có lợi thế trên địa bàn như: CN may, da giày; CN chế biến, công nghiệp cơ khí phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, nhưng phải cải tiến, thay đổi mẫu mã, nâng cao chất lượng, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường của người tiêu dùng.

3.2.1.2. Lựa chọn hình thức phát triển

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp trong khu vực KTTN cần định hướng xây dựng và phát triển theo xu hướng đầu tư dài hạn hơn, tăng hình thức tổ chức kinh tế hợp tác, huy động nhiều vốn, đầu tư quy mô lớn hơn. Để đáp ứng được điều này các doanh nghiệp cần xác định loại hình công ty TNHH và công ty CP là phù hợp nhất tại Quảng Nam nói chung và thành phố Tam Kỳ nói riêng.

3.2.2. Gia tăng các yếu tố nguồn lực

- Tăng cường vốn trong các doanh nghiệp

Mỗi doanh nghiệp hoạt động đều cần có vốn, như đã trình bày ở trên vốn kinh doanh bình quân một doanh nghiệp trong khu vực KTTN còn thấp. Vì thế cần tăng cường các biện pháp tín dụng đối với doanh nghiệp trong khu vực KTTN.

Đối với Nhà nước cần: Đảm bảo công bằng cho các doanh nghiệp khu vực KTTN trong hoạt động tín dụng, ngân hàng; đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở; thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng thành phố cho các doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp, cần sử dụng linh hoạt các phương thức huy động: vay ngân hàng, sử dụng vốn tự có, phát hành trái phiếu công ty và cổ phiếu thông qua thị trường chứng khoán.

Bên cạnh việc huy động vốn, doanh nghiệp cũng cần xây dựng các phương án sử dụng vốn hiệu quả.

- Về nguồn nhân lực: Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao nghiệp vụ quản lý và trình độ chuyên môn cho người lao động.

- Mặt bằng: tăng cường hỗ trợ mặt bằng sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp. Để phát triển KTTN, cần ưu tiên xử lý các bức xúc về đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tại doanh nghiệp khu vực KTTN: Doanh nghiệp của tư nhân cần có sự lựa chọn công nghệ, máy móc phù hợp với khả năng sản xuất và sử dụng của mình. Bên cạnh đó, giải pháp tiếp cận công nghệ hiện đại một cách hợp lý cũng cần được quan tâm đúng mức.

3.2.3. Đẩy mạnh các hình thức liên kết

- Đổi mới và hiện đại hóa về tổ chức của khối doanh nghiệp trên địa bàn theo hướng tăng cường phân hóa và liên kết hoạt động.

- Thiết lập quan hệ liên kết giữa các doanh nghiệp và các tổ chức trên địa bàn thành phố.

- Hỗ trợ và khuyến khích việc liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp, đối tác kinh doanh.

- Tăng cường việc thanh toán qua hệ thống ngân hàng, thông qua các tài khoản của các đối tác kinh doanh.

- Tiếp tục phát triển thị trường chứng khoán, tạo điều kiện cho việc đầu tư hỗ trợ nhau giữa các công ty hình thành mối liên kết kinh tế chặt chẽ và có hiệu quả.

- Tăng cường việc thanh toán qua hệ thống ngân hàng, thông qua các tài khoản của các đối tác kinh doanh.

- Tổ chức phổ biến các thông tin về pháp luật và chính sách của Nhà nước trong khuyến khích doanh nghiệp tham gia liên doanh, liên kết.

- Nâng cao vai trò của trọng tài kinh tế trong việc thực hiện giám sát và thực thi pháp lệnh trọng tài thương mại.

- Nâng cao năng lực liên kết của các chủ thể kinh tế.

- Nâng cao ý thức liên kết, đặc biệt là thiện chí sẵn sàng hợp tác của chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp.

3.2.4. Phát triển thị trường

- Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả các loại thị trường

- Sắp xếp lại, hoàn thiện và phát triển mạng lưới dịch vụ thương mại trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và ngoài nước để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng như thị trường các yếu tố đầu vào.

3.2.5. Mở rộng hoạt động cung ứng thông tin cho các doanh nghiệp

- Tăng cường mối quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp.

- Đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin về chính sách cho doanh nghiệp.

3.2.6. Tăng kết quả kinh doanh

3.2.6.1. Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh

Cần xác định mục tiêu, điểm mạnh, điểm yếu; nhận biết được cơ hội và nguy cơ tác động của doanh nghiệp, cụ thể:

- Xác định mục tiêu của doanh nghiệp;

- Phân tích môi trường bên ngoài và bên trong doanh nghiệp;

- Xây dựng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.6.2. *Nâng cao chất lượng sản phẩm và có chính sách giá phù hợp*

- Về sản phẩm: doanh nghiệp phải tính toán để kéo dài chu kỳ sống của sản phẩm như cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng của sản phẩm.

- Về giá bán: doanh nghiệp phải đưa ra giá bán phù hợp với từng thời kỳ để chủ động linh hoạt.

3.2.6.3. *Chính sách về phân phối sản phẩm*

Sản phẩm được phân phối qua 02 kênh trực tiếp và gián tiếp, tỷ lệ phân phối từng kênh phụ thuộc vào chi phí và mức độ thâm nhập thị trường mỗi kênh của doanh nghiệp.

3.2.7. Hoàn thiện môi trường pháp lý đối với KTTN

- Tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

- Cải thiện môi trường kinh tế vĩ mô: Điều chỉnh cơ cấu ngành và cơ cấu kinh tế, điều chỉnh cơ cấu thị trường và cơ cấu đầu tư, đẩy mạnh đầu tư bảo đảm các yếu tố về hạ tầng và nhân lực cho sự tăng trưởng cao, hiệu quả và bền vững.

- Cải thiện môi trường chính trị - xã hội: Cần phải tiếp tục giữ vững sự ổn định về chính trị-xã hội như một điều kiện tiền đề cho việc phát triển hoạt động đầu tư và kinh doanh.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong những năm gần đây, KTTN đã, đang và sẽ ngày càng tham dự và đảm nhận vị thế ngày càng quan trọng trong toàn bộ quá trình phát triển nền kinh tế.

Tuy nhiên, khu vực KTTN cho đến nay vẫn chưa được khai thác hết tiềm năng phát triển to lớn của mình và vẫn còn đang đối diện với nhiều khó khăn và sự thua kém rõ rệt so với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Một trong những định hướng ưu tiên phát triển KTTN thành phố Tam Kỳ trong thời gian đến là tạo mọi điều kiện thuận lợi, bình đẳng và tuân thủ các nguyên tắc thị trường để phát triển, khai thác nhiều hơn, hiệu quả hơn tiềm năng của khu vực KTTN cho việc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn thành phố.

Trong thời gian tới, để phát triển KTTN ngoài vai trò của Nhà nước cần có những giải pháp tháo gỡ, giải quyết căn bản các vướng mắc, bất cập, bức xúc đang tồn tại hoặc sẽ phát sinh trong thực tiễn quản lý nhà nước đối với khu vực KTTN; các doanh nghiệp KTTN cần chủ động nỗ lực phát huy những nội lực của mình, đồng thời hoàn thiện mình cho phù hợp với sự phát triển chung của kinh tế, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh, đảm bảo uy tín, xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, gắn kết lợi ích của bản thân doanh nghiệp với lợi ích người tiêu dùng và lợi ích chung của nền kinh tế - xã hội toàn thành phố.